

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày: 14/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Ngọc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 05/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Bình – Sinh năm 1989. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân R và bà Lê Thị N; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ 4.

Nhân thân: Ngày 18/6/ 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2018, đã được xóa án tích.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 6/7/2020 bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

***Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Cao C, sinh năm: 1990; HKTT: Phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Lê Thị Thủy, sinh năm: 1979; HKTT: Khu phố X, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Công ty B- Người đại diện theo pháp luật, ông Lê Đình B, chức vụ: Giám đốc công ty; Địa chỉ: Phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn V, sinh năm: 1987
 2. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1984
- Đều có HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
3. Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1979; HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 02/9/2020 Lê Văn V, ở thôn T, xã Thái Hòa, huyện T điều khiển xe mô tô BKS 99N1 - 1833 mượn của anh Lê Văn Đ cùng thôn đến nhà Nguyễn Xuân T rủ Thuận đi lượn qua xưởng gỗ của Công ty B ở thôn T, xã T, huyện T nếu cửa mở, không có ai trông coi thì vào để trộm cắp tài sản, thì được T đồng ý. Khi đến nơi cả hai phát hiện cửa mở và không có người trông coi nên cả hai đi vào lấy 01 ba lét rồi đem đến cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình anh Phạm Văn H ở thôn T, xã T bán cho chị Nguyễn Thị N (vợ anh H) được 190.000đ.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày cả hai tiếp tục đi bộ đến cầu Đ thuộc thôn T, xã T, huyện T nơi công trình đang thi công do anh Nguyễn Cao C là chỉ huy trưởng trực tiếp quản lý lấy trộm 4 cây thép đem bán cho Nguyễn Bá D, người cùng thôn được 400.000đ. Số tiền trên cả hai mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết.

Quá trình điều tra Lê Văn V còn khai nhận ngoài các lần trộm cắp cùng với Nguyễn Xuân T, V còn trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Xuân B, sinh năm 1984 ở thôn T, xã T lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 21/8/2020 V mượn xe máy BKS 99N1-1833 của Lê Văn Đ đi chơi, trên đường đi thì gặp Nguyễn Xuân B ở cùng thôn nên rủ B đi cùng. Khi cả hai đi đến xưởng gỗ của Công ty B, V quan sát thấy cửa cổng mở, không có người trông coi nên dùng xe máy bảo B đứng chờ còn V đi bộ vào trong xưởng xem có tài sản sơ hở để trộm cắp. Thấy có chiếc ba lét bằng sắt dùng để chuyển gỗ, V kéo một chiếc ra nhưng nặng không kéo được nên quay ra gọi B vào giúp, cả hai đi vào khiêng 3 cái ba lét ra dựng cạnh xe máy, V lên xe ngồi giữ lái còn B bê 02 chiếc ba lét đặt lên xe và ngồi phía sau giữ, V điều khiển xe máy đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình anh Phạm Văn H bán được 380.000đ rồi quay lại lấy nốt chiếc ba lét còn lại đem đến bán cho anh H được 190.000đ.

Lần thứ 2: Khoảng 10 giờ ngày 30/9/2020, Nguyễn Xuân B đến nhà Lê Văn V rủ V xuống thị trấn N, huyện T xem có nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, V lấy xe máy màu đỏ BKS 36P8 - 6325 của bố để là ông Lê Văn C điều khiển chở Nguyễn Xuân B đi xuống phố X, thị trấn N, huyện T thấy nhiều bao lúa để ở công và vắng người nên B xuống lấy trộm 1 bao lúa rồi cả hai đi về. Số lúa này B đem bán được 250.000đ. Số tiền có được từ các lần trộm cắp cả hai mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Vào các ngày 22/9/2020, 24/10/2020, 03/11/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T định giá 4 chiếc balet chất liệu bằng sắt trị giá 1.660.000đ; 4 thanh thép trị giá 840.000đ; 01 bao lúa nặng 37kg trị giá 255.500đ.

Tổng tài sản các lần Lê Văn V trộm cắp cùng Nguyễn Xuân B và Nguyễn Xuân T trị giá 2.783.500đ;

Tổng tài sản Nguyễn Xuân B trộm cắp cùng Lê Văn V trị giá 1.527.000đ;

Tổng tài sản Nguyễn Xuân T trộm cắp cùng Lê Văn V trị giá 1.256.500đ.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Lê Văn V, Nguyễn Xuân T chưa có tiền án, tiền sự; Nguyễn Xuân B có nhân thân xấu và 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Hiện tại, Nguyễn Xuân B là đối tượng nghiện ma túy.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Công an huyện T đã tiến hành thu giữ gồm: 04 chiếc ba let chất liệu bằng sắt, 04 thanh thép trả lại cho chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H yêu cầu các đối tượng phải hoàn trả lại cho anh 760.000đ

*Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Xuân B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội “Trộm cắp tài sản”

-Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/11/2020.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, là đối tượng nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

-Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu về phần dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 760.000đ.

Xét thấy số tiền này bị B, Nguyễn Xuân T và Lê Văn V đều được hưởng nên buộc bị cáo B, T và V phải liên đới trả cho anh H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Trong các ngày 21/8/2020, 02/9/2020 và 30/9/2020 Lê Văn V cùng với Nguyễn Xuân B và Nguyễn Xuân T đã trộm cắp 4 chiếc balet chất liệu bằng sắt của Công ty B; 4 thanh thép của anh Nguyễn Cao C và 01 bao lúa của chị Lê Thị T.

Tổng tài sản các lần Lê Văn V trộm cắp cùng Nguyễn Xuân B và Nguyễn Xuân T trị giá 2.783.500đ.

Tổng tài sản Nguyễn Xuân B trộm cắp cùng Lê Văn V trị giá 1.527.000đ.

Tổng tài sản Nguyễn Xuân T trộm cắp cùng Lê Văn V trị giá 1.256.500đ.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 6/7/2020 Nguyễn Xuân B bị Công an xã T, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nay lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó hành vi của Nguyễn Xuân B phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo vì động cơ, mục đích tư lợi, lười lao động, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội 1 thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo.

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Đối với Lê Văn V, Nguyễn Xuân T, không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi lần trộm cắp tài sản đều dưới 2.000.000đ và có sự cách quãng về mặt thời gian nên không cấu thành tội phạm, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với V và T là phù hợp.

[5] Về dân sự:

Công ty B, anh Nguyễn Cao C và chị Lê Thị T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Phạm Văn H: Anh H mua tài sản của Nguyễn Xuân T, Lê Văn V và Nguyễn Xuân B nhưng không biết đó là tài sản do các đối tượng trộm cắp mà có. Hiện nay tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Do đó anh H yêu cầu Nguyễn Xuân T, Lê Văn V và Nguyễn Xuân B phải bồi thường cho anh số tiền 760.000đ là có căn cứ.

Xét thấy số tiền có được sau khi bán tài sản trộm cắp, bị cáo T và V đều được hưởng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay có mặt bị cáo B, vắng mặt Lê Văn V và Nguyễn Xuân T. Bị cáo B đồng ý trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của anh Phạm Văn H, do đó chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo về bồi thường dân sự, buộc bị cáo phải trả cho anh H số tiền là 760.000đ

Dành quyền khởi kiện cho Nguyễn Xuân B đối với Lê Văn V và Nguyễn Xuân T bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Xuân B, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Xuân B:** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/11/2020

Về dân sự: Áp dụng Điều 584, 587 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân B phải bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền là 760.000đ

Dành quyền khởi kiện cho Nguyễn Xuân B đối với Lê Văn V và Nguyễn Xuân T bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS; khoản 1, khoản 3 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng hai khoản = 500.000đ

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có QLNVLQ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh TH;
- VKSND T;
- Công an T;
- Thi hành án DS T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan